VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2022/TT-BCT

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

THÔNG TƯ
Quy định việc nhập khẩu mặt hàng gạo và lá thuốc lá khô có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia theo hạn ngạch thuế quan năm 2021 và năm 2022

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 83/2021/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2021 - 2022;

Để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia ký ngày 26 tháng 02 năm 2019 (đã được sửa đổi, gia hạn thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc gia hạn thực hiện Bản thoả thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam và Campuchia giai đoạn 2019 - 2020 cho giai đoạn 2021 - 2022);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định việc nhập khẩu mặt hàng gạo và lá thuốc lá khô có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia theo hạn ngạch thuế quan năm 2021 và năm 2022.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đối với mặt hàng gạo và lá thuốc lá khô có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt khi nhập khẩu vào Việt Nam năm 2021 và năm 2022.

2. Đối tượng áp dụng

Các thương nhân nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan mặt hàng gạo và lá thuốc lá khô có xuất xứ từ Vương quốc Campuchia và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Hàng hóa và lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu năm 2021 và năm 2022

1. Mã số hàng hóa và tổng lượng hạn ngạch thuế quan của các mặt hàng được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu năm 2021 theo quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng cho các tờ khai đăng ký với cơ quan hải quan từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

3. Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu năm 2022 theo quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng cho các tờ khai đăng ký với cơ quan hải quan từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. Đối với các tờ khai đăng ký với cơ quan hải quan của các mặt hàng nêu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đăng ký từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nếu đủ điều kiện để được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Điều 4 Thông tư này và đã nộp thuế theo mức thuế suất cao hơn thì được cơ quan quản lý thuế xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thuế suất thuế nhập khẩu

Hàng hóa nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan quy định tại Điều 2 Thông tư này được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo quy định của Chính phủ.

Điều 4. Điều kiện để được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

1. Hàng hóa nhập khẩu phải có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá mẫu S (C/O form S) do Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia hoặc cơ quan được ủy quyền cấp theo quy định của phía Campuchia và làm thủ tục hải quan nhập khẩu tại các cặp cửa khẩu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Riêng đối với mặt hàng lá thuốc lá khô, thương nhân nhập khẩu phải có Giấy phép nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan do Bộ Công Thương cấp theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP; số lượng nhập khẩu được trừ vào hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo giấy phép do Bộ Công Thương cấp.

Điều 5. Phương thức điều hành hạn ngạch thuế quan

Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mặt hàng gạo và mặt hàng lá thuốc lá khô quy định tại Thông tư này được điều hành theo phương thức trừ lùi tự động tại cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu. Việc trừ lùi tự động cho đến hết số lượng hạn ngạch thuế quan đối với từng mặt hàng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan hải quan.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

Phụ lục I

MÃ SỐ HÀNG HÓA VÀ TỔNG LƯỢNG HẠN NGẠCH THUẾ QUAN NĂM 2021 VÀ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

MÃ SỐ HÀNG HÓA	TÊN HÀNG	TỔNG LƯỢNG HẠN NGẠCH NĂM 2021	TỔNG LƯỢNG HẠN NGẠCH NĂM 2022
I- Thóc, gạo các loại		**300.000 tấn gạo** (ba trăm nghìn tấn gạo) Nếu là thóc thì tỷ lệ quy đổi: 2 kg thóc = 1kg gạo	**300.000 tấn gạo** (ba trăm nghìn tấn gạo) Nếu là thóc thì tỷ lệ quy đổi: 2 kg thóc = 1kg gạo
1006.10	- Thóc:		
1006.10.10	- - Để gieo trồng		
1006.10.90	- - Loại khác		
1006.20	- Gạo lứt:		
1006.20.10	- - Gạo Hom Mali		
1006.20.90	- - Loại khác		
II- Lá thuốc lá khô		**3.000 tấn** (ba nghìn tấn)	**3.000 tấn** (ba nghìn tấn)
2401.10	- Lá thuốc lá chưa tước cọng:		
2401.10.10	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng (flue-cured)		
2401.10.20	- - Loại Virginia, trừ loại sấy bằng không khí nóng		
2401.10.40	- - Loại Burley		
2401.10.50	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng		
2401.10.90	- - Loại khác		
2401.20	- Lá thuốc lá, đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ:		

MÃ SỐ HÀNG HÓA	TÊN HÀNG	TỔNG LƯỢNG HẠN NGẠCH NĂM 2021	TỔNG LƯỢNG HẠN NGẠCH NĂM 2022
2401.20.10	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng		
2401.20.20	- - Loại Virginia, trừ loại sấy bằng không khí nóng		
2401.20.30	- - Loại Oriental		
2401.20.40	- - Loại Burley		
2401.20.50	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng		
2401.20.90	- - Loại khác		

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC CẶP CỬA KHẨU ĐƯỢC PHÉP THÔNG QUAN CÁC MẶT HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên cửa khẩu Phía Việt Nam	Tên cửa khẩu Phía Campuchia
1	Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai)	Ou Ya Dav (tỉnh Ratanakiri)
2	Bu Prăng (tỉnh Đắk Nông)	Dak Dam (tỉnh Mondulkiri)
3	Đắk Peur (tỉnh Đắk Nông)	Nam Lear (tỉnh Mondulkiri)
4	Hoa Lư (tỉnh Bình Phước)	Trapeang Sre (tỉnh Kratie)
5	Hoàng Diệu (tỉnh Bình Phước)	Lapakhe (tỉnh Mondulkiri)
6	Lộc Thịnh (tỉnh Bình Phước)	Tonle Cham (tỉnh Tboung Khmum)
7	Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh)	Bavet (tỉnh Svay Rieng)
8	Xa Mát (tỉnh Tây Ninh)	Trepeang Plong (tỉnh Tboung Khmum)
9	Chàng Riệc (tỉnh Tây Ninh)	Da (tỉnh Tboung Khmum)
10	Kà Tum (tỉnh Tây Ninh)	Chan Mul (tỉnh Tboung Khmum)
11	Phước Tân (tỉnh Tây Ninh)	Bosmon (tỉnh Svay Rieng)
12	Vạc Sa (tỉnh Tây Ninh)	Doun Rodth (tỉnh Tboung Khmum)
13	Bình Hiệp (tỉnh Long An)	Prey Vor (tỉnh Svay Rieng)
14	Vàm Đồn (tỉnh Long An)	Sre Barang (tỉnh Svay Rieng)
15	Mỹ Quý Tây (tỉnh Long An)	Samrong (tỉnh Svay Rieng)
16	Dinh Bà (tỉnh Đồng Tháp)	Banteay Chakrey (tỉnh Prey Veng)
17	Thường Phước (tỉnh Đồng Tháp)	Koh Roka (tỉnh Prey Veng)
18	Sở Thượng (tỉnh Đồng Tháp)	Koh Sampov (tỉnh Prey Veng)
19	Vĩnh Xương (tỉnh An Giang)	Ka-Orm Samnor (tỉnh Kandal)
20	Tịnh Biên (tỉnh An Giang)	Phnom Den (tỉnh Takeo)
21	Khánh Bình (tỉnh An Giang)	Chrey Thom (tỉnh Kandal)
22	Vĩnh Hội Đông (tỉnh An Giang)	Kampong Krosang (tỉnh Takeo)
23	Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang)	Prek Chak (tỉnh Kampot)
24	Giang Thành (tỉnh Kiên Giang)	Ton Hon (tỉnh Kampot)